

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 12A1

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 12A1 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trần Tấn Phương

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Ngô Thanh Gia Bảo	20/03/2007	Tiền Giang	Kinh	Nam		Khu 1B, TT Cần Đước, CD, LA
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	24/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, Phước Tuy, CD, LA
3	Huỳnh Nhất Di	10/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Bình Hòa, Tân Lâm, CD, LA
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	23/08/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, Phước Đông, CD, LA
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	04/08/2007	Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhất, Tân Chánh, CD, LA
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	09/08/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung, Tân Chánh, CD, LA
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	11/08/2007	Tp.HCM	Kinh	Nữ		Ấp Đình, Tân Chánh, CD, LA
8	Lê Hoàng Khánh	01/05/2007	Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp Bình Hòa, Tân Lâm, CD, LA
9	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 6, Tân Ân, CD, LA
10	Tô Hoàng Phương Mai	17/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 1A, TT Cần Đước, CD, LA
11	Phạm Minh Mẫn	02/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, Tân Ân, CD, LA
12	Phạm Thị Kim My	10/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 7, Tân Ân, CD, LA
13	Lê Trọng Nam	25/10/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, Tân Chánh, CD, LA
14	Nguyễn Ngọc Ngân	05/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, Tân Ân, CD, LA
15	Bùi Như Ngọc	24/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Khu 7, TT Cần Đước, CD, LA
16	Phan Thành Nhân	28/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Khu 7, TT Cần Đước, CD, LA
17	Nguyễn Minh Nhật	03/11/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Đình, Tân Chánh, CD, LA
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	23/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 4, TT Cần Đước, CD, LA
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/11/2006	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2B, Tân Ân, CD, LA
20	Nguyễn Công Ninh	22/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, Phước Tuy, CD, LA
21	Bùi Ngọc Phát	13/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 3, TT Cần Đước, CD, LA
22	Đỗ Thành Phong	23/05/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5, Phước Đông, CD, LA
23	Phạm Đăng Quan	27/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, Tân Chánh, CD, LA
24	Huỳnh Minh Quang	15/12/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5, Phước Tuy, CD, LA
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	19/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, Phước Đông, CD, LA
26	Nguyễn Cao Sơn	13/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhất, Tân Chánh, CD, LA
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	23/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Khu 2, TT Cần Đước, CD, LA
28	Trần Phúc Thiện	12/01/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 2B, Tân Ân, CD, LA
29	Tô Hưng Thịnh	11/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Khu 2, TT Cần Đước, Cần Đước, Long An
30	Ngô Lê Anh Thư	08/06/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3, Phước Đông, Cần Đước, Long An
31	Nguyễn Anh Thư	17/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 2, Phước Tuy, Cần Đước, Long An
32	Vô Thị Phụng Tiên	24/09/2007	Long An	Kinh	Nữ		Khu 1B, TT Cần Đước, Cần Đước, Long An
33	Bùi Đăng Hữu Tinh	14/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2B, Tân Ân, Cần Đước, Long An
34	Lê Đăng Ngọc Trâm	27/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 1, Phước Đông, Cần Đước, Long An
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	03/07/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 5, Tân Ân, Cần Đước, Long An
36	Cao Ngọc Bảo Trân	25/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 7B, TT Cần Đước, Cần Đước, Long An
37	Trương Công Trứ	04/12/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đước, Long An
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	28/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		Khu 1B, TT Cần Đước, Cần Đước, Long An
39	Trịnh Dương Vũ	10/02/2006	Tp.HCM	Hoa	Nam		Ấp 5, Phước Tuy, CD, LA
40	Cao Phương Vy	10/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 7B, TT Cần Đước, Cần Đước, Long An
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	27/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đước, Long An
42	Nguyễn Trần Như Ý	20/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 7, Tân Ân, CD, LA
43	Vô Thị Hải Yến	13/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 4, TT Cần Đước, Cần Đước, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Ngô Thanh Toàn - làm thuê	Nguyễn Thị Thùy Dương - nội trợ	
2	Lê Phước Khánh - Công nhân	Nguyễn Yến Tuyết - Công nhân	
3	Huỳnh Thanh Phong - Làm ruộng	Huỳnh Thị Bé Đèo - Làm ruộng	
4	Đặng Minh Trung - Công nhân	Huỳnh Thị Thu Hà - Công nhân	
5	Lê Văn Thiệt - Làm ruộng	Đỗ Thị Cẩm Giang - Công nhân	
6	Phạm Hữu Tiến - Buôn bán	Châu Thị Phương - Buôn bán	
7	Huỳnh Văn Tân - Làm thuê	Già Thị Kim Tuyết - Công nhân	
8	Lê Hoàng Vũ - Làm ruộng	Võ Thị Son - Làm ruộng	
9	Nguyễn Văn Thanh - Làm ruộng	Phạm Thị Tiết - Làm ruộng	
10	Tô Hoàng Phong - Buôn bán	Phạm Thị Cẩm Nhung - Buôn bán	
11	Phạm Ngọc Ân - Thợ hồ	Huỳnh Thị Nhôm Em - Công nhân	
12	Phạm Văn Mẫn - Thợ hồ	Nguyễn Thị Mai - Nội trợ	
13	Lê Văn Hùng - Làm ruộng	Kiều Thị Hằng - Nội trợ	
14	Nguyễn Thành Công - Nuôi tôm	Phan Thị Thanh Danh - Công nhân	
15	Bùi Hoàng Phong - Làm ruộng	Nguyễn Thị Ngọc Giàu - Làm ruộng	
16	Phan Văn Tuyển - làm giày	Nguyễn Thị Kim Yến - Buôn bán	
17	Nguyễn Thành Minh - Đi ghe	Nguyễn Thị Lan - Đi ghe	
18	Nguyễn Tấn Hội - Buôn bán	Trần Thụy Như Thủy - Buôn bán	
19	Nguyễn Minh Tâm - Cơ khí	Hồ Thị Kim Cúc - Công nhân	
20	Nguyễn Văn Kịp - Buôn bán	Nguyễn Kim Chi - Buôn bán	
21	Bùi Ngọc Du - Tài xế	Lưu Thị Ngọc Phượng - Nội trợ	
22	Đỗ Thành Tâm - Thợ sơn	Phan Thị Tuyết Lệ - Công nhân	
23	Phạm Đăng Phùng - Làm ruộng	Lê Thị Hồng Xương - Làm ruộng	
24	Huỳnh Hữu Đức - Làm ruộng	Phan Thị Thắm - Nội trợ	
25	Nguyễn Văn Vương - Tài xế	Nguyễn Thị Mộng - Thợ may	
26	Nguyễn Văn Lạ - Đi tàu	Lưu Thị Bé Ba - Công nhân	
27	Nguyễn Tấn Huỳnh - Làm ruộng	Nguyễn Thị Ngọc Cúc - Buôn bán	
28	Trần Ngọc Phi - Thợ mộc	Dương Thị Thu Thảo - Buôn bán	
29	Tô Công Thuận - Tự do	Trần Thị Luyến - Nội trợ	
30	Ngô Anh Dũng - Đi tàu	Lê Thị Kim Vũ - Đi tàu	
31	Nguyễn Văn Đông - Công nhân	Hồ Thị Võ Lan - Lao động tự do	
32	Võ Minh Sơn - Phục vụ	Ngô Thị Ngọc Thơ - Phục vụ	
33	Bùi Đăng Tiền - Buôn bán	Nguyễn Kim Liên - Buôn bán	
34	Lê Ngọc Sang - Tài xế	Đặng Thị Tuyết Mai - Công nhân	
35	Nguyễn Đức Thọ - Buôn bán	Nguyễn Thị Thiệp - Buôn bán	
36	Cao Minh Tâm - Buôn bán	Phạm Mộng Chuyển - Công nhân	
37	Trương Thọ Thắng - Chăn nuôi	Nguyễn Thị Thúy Cường - Công nhân	
38	Nguyễn Công Danh - Tự do	. -	
39	Trịnh Huệ Phát - Buôn bán	Lê Thị Loan - Buôn bán	
40	Cao Phương Bình - Buôn bán	Nguyễn Thị Mộng Chi - Buôn bán	
41	Nguyễn Phát Tài - Thợ may	Lưu Thị Thi - Thợ may	
42	Nguyễn Thành Tâm - Thợ mộc	Trần Thị Khuya - Nội trợ	
43	Võ Văn Hải - Thợ hồ	Nguyễn Thị Mai Trâm - Nội trợ	

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Tấn Phương	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K
1	Ngô Thanh Gia Bảo																																	0	0	0
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo																																	0	0	0
3	Huỳnh Nhất Di																													P				1	1	0
4	Đặng Thị Quỳnh Giao									P																								1	1	0
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu																																	0	0	0
6	Phạm Châu Mỹ Huyền																																	0	0	0
7	Huỳnh Thị Thiên Hương				P																													1	1	0
8	Lê Hoàng Khánh																																	0	0	0
9	Nguyễn Quốc Khánh																																	0	0	0
10	Tô Hoàng Phương Mai																																	0	0	0
11	Phạm Minh Mẫn																																	0	0	0
12	Phạm Thị Kim My																															P	1	1	0	
13	Lê Trọng Nam																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Ngân																																	0	0	0
15	Bùi Như Ngọc																																	0	0	0
16	Phan Thành Nhân																																	0	0	0
17	Nguyễn Minh Nhật																																	0	0	0
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung																																	0	0	0
20	Nguyễn Công Ninh																			P													1	1	0	
21	Bùi Ngọc Phát																							P									1	1	0	
22	Đỗ Thành Phong	P																																1	1	0
23	Phạm Đăng Quan																																	0	0	0
24	Huỳnh Minh Quang	P																																1	1	0
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh																																	0	0	0
26	Nguyễn Cao Sơn											P																						1	1	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Trần Phúc Thiện																																	0	0	0
29	Tô Hưng Thịnh	P																																1	1	0
30	Ngô Lê Anh Thư																																	0	0	0
31	Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
32	Võ Thị Phụng Tiên																																	0	0	0
33	Bùi Đăng Hữu Tính																																	0	0	0
34	Lê Đặng Ngọc Trâm																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm																															P	1	1	0	
36	Cao Ngọc Bảo Trân																							P									1	1	0	
37	Trương Công Trứ																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng																																	0	0	0
39	Trịnh Dương Vũ																																	0	0	0
40	Cao Phương Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý																																	0	0	0
42	Nguyễn Trần Như Ý																																	0	0	0
43	Võ Thị Hải Yến																																	0	0	0
	Tổng số		3	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	1	0	0	2	12	12	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Tấn Phương	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Ngô Thanh Gia Bảo																																	0	0	0
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo																																	0	0	0
3	Huỳnh Nhất Di																									P								1	1	0
4	Đặng Thị Quỳnh Giao																																	0	0	0
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu																																	0	0	0
6	Phạm Châu Mỹ Huyền																																	0	0	0
7	Huỳnh Thị Thiên Hương																																	0	0	0
8	Lê Hoàng Khánh																																	0	0	0
9	Nguyễn Quốc Khánh																																	0	0	0
10	Tô Hoàng Phương Mai																																	0	0	0
11	Phạm Minh Mẫn																																	0	0	0
12	Phạm Thị Kim My																																	0	0	0
13	Lê Trọng Nam																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Ngân																																	0	0	0
15	Bùi Như Ngọc																			P													1	1	0	
16	Phan Thành Nhân				P																													1	1	0
17	Nguyễn Minh Nhật																																	0	0	0
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung																																	0	0	0
20	Nguyễn Công Ninh																																	0	0	0
21	Bùi Ngọc Phát																																	0	0	0
22	Đỗ Thành Phong				P																													1	1	0
23	Phạm Đăng Quan																																	0	0	0
24	Huỳnh Minh Quang																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh																																	0	0	0
26	Nguyễn Cao Sơn																			P		P												2	2	0
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
28	Trần Phúc Thiện																																	0	0	0
29	Tô Hưng Thịnh				P																													1	1	0
30	Ngô Lê Anh Thư																																	0	0	0
31	Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
32	Võ Thị Phụng Tiên																																	0	0	0
33	Bùi Đăng Hữu Tính																																	0	0	0
34	Lê Đặng Ngọc Trâm																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm																																	0	0	0
36	Cao Ngọc Bảo Trâm																																	0	0	0
37	Trương Công Trứ															P																		1	1	0
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng																																	0	0	0
39	Trịnh Dương Vũ																																	0	0	0
40	Cao Phương Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý																																	0	0	0
42	Nguyễn Trần Như Ý																																	0	0	0
43	Võ Thị Hải Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	8	8	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 0%		
không phép: 0%		
	Trần Tấn Phương	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Tấn Phương

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Tấn Phương	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Tấn Phương

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	10,0	9,0	10,0		8,3	9,0	9,1	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	9,0	10,0	10,0	10,0		8,0	8,8	9,0	Học tốt, chăm ngoan
3	Huỳnh Nhất Di	8,0	6,0	9,0	9,0		7,0	7,3	7,5	Học khá
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	10,0	7,0	10,0		7,3	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	9,0	5,0	10,0		7,5	7,5	7,8	Học khá, ngoan
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	10,0	10,0	8,0	10,0		7,8	10,0	9,3	Học tốt, chăm ngoan
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	10,0	9,0	10,0	9,0		8,5	9,0	9,1	Học tốt, chăm ngoan
8	Lê Hoàng Khánh	9,0	9,0	9,0	10,0		7,5	9,3	8,9	Học tốt, chăm ngoan
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	10,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,4	Học tốt, chăm ngoan
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	9,0	9,0	8,0		9,5	7,5	8,4	Học tốt
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	9,0	9,0	10,0		8,5	9,8	9,3	Học tốt, chăm ngoan
12	Phạm Thị Kim My	9,0	9,0	8,0	9,0		7,8	8,8	8,6	Học tốt
13	Lê Trọng Nam	10,0	10,0	9,0	10,0		9,0	9,0	9,3	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	10,0	7,0	9,0		8,3	9,5	8,9	Học tốt, chăm ngoan
15	Bùi Như Ngọc	8,0	9,0	9,0	8,0		9,5	8,0	8,6	Học tốt
16	Phan Thành Nhân	10,0	10,0	7,0	10,0		9,0	9,5	9,3	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả
17	Nguyễn Minh Nhật	10,0	9,0	9,0	10,0		8,8	7,0	8,5	Học tốt
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	10,0	8,0	9,0		9,0	8,3	8,8	Học tốt, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	10,0	9,8	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
20	Nguyễn Công Ninh	10,0	9,0	8,0	9,0		8,0	8,0	8,4	Học tốt, ngoan
21	Bùi Ngọc Phát	9,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,0	8,9	Học tốt, ngoan
22	Đỗ Thành Phong	8,0	5,0	9,0	9,0		7,0	5,0	6,7	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
23	Phạm Đăng Quan	8,0	5,0	9,0	8,0		7,5	8,0	7,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	8,5	9,1	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	9,0	9,0	7,0	9,0		7,5	8,3	8,2	Học tốt, ngoan
26	Nguyễn Cao Sơn	9,0	9,0	10,0	8,0		8,0	8,5	8,6	Học tốt
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	9,0	9,0		9,5	8,3	8,8	Học tốt, ngoan
28	Trần Phúc Thiện	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,5	9,3	Học tốt, ngoan
29	Tô Hưng Thịnh	8,0	8,0	5,0	7,0		7,5	8,0	7,4	Cần cố gắng ở học kỳ 2
30	Ngô Lê Anh Thư	10,0	10,0	10,0	9,0		9,5	9,3	9,5	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
31	Nguyễn Anh Thư	10,0	10,0	10,0	9,0		9,0	8,5	9,2	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	8,0	9,0	8,0		7,0	7,3	7,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	10,0	9,0	9,0		8,5	10,0	9,3	Học tốt
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	8,5	9,1	Học tốt
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	9,0	10,0	9,0		9,0	8,3	8,9	Học tốt
36	Cao Ngọc Bảo Trân	10,0	10,0	9,0	10,0		9,5	10,0	9,8	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
37	Trương Công Trí	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,9	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	9,0	10,0	10,0		9,5	8,8	9,3	Ngoan, chăm chỉ
39	Trịnh Dương Vũ	10,0	10,0	8,0	10,0		9,5	10,0	9,7	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
40	Cao Phương Vy	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	9,3	8,8	Học tốt
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,8	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	10,0	7,0	10,0		8,5	10,0	9,2	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	8,0	9,0	8,0		7,0	7,5	7,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)										
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú
1	Ngô Thanh Gia Bảo	8,0	8,0	7,0			7,5	7,0	7,4	Học khá, có cố gắng.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	9,0	9,0	9,0			9,0	6,4	8,0	Học tốt, ngoan
3	Huỳnh Nhật Di	7,0	9,0	9,0			6,5	5,9	7,0	Học khá, có cố gắng.
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	10,0	8,0	9,0			8,5	9,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	10,0	8,0	8,0			7,0	7,5	7,8	Học khá, có cố gắng.
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	10,0	9,0	9,0			9,0	7,3	8,5	Học tốt, ngoan
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,2	Học tốt, chăm ngoan
8	Lê Hoàng Khánh	9,0	7,0	8,0			7,8	8,0	8,0	Học tốt, ngoan
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	10,0	9,0			8,0	8,0	8,5	Học tốt, ngoan
10	Tô Hoàng Phương Mai	7,0	8,0	8,0			7,8	7,3	7,6	Học khá, có cố gắng.
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	Học tốt, ngoan
12	Phạm Thị Kim My	9,0	9,0	8,0			6,0	7,0	7,4	Học khá, có cố gắng.
13	Lê Trọng Nam	9,0	9,0	9,0			8,3	7,3	8,2	Học tốt, ngoan
14	Nguyễn Ngọc Ngân	10,0	9,0	8,0			8,8	9,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan
15	Bùi Như Ngọc	10,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,5	Học tốt, ngoan
16	Phan Thành Nhân	10,0	9,0	8,0			8,0	6,5	7,8	Học khá, có cố gắng.
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	9,0	9,0			9,0	6,5	8,1	Học tốt, ngoan
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	8,0	8,0			8,5	6,9	7,8	Học khá, có cố gắng.
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10,0	8,0	10,0			8,5	9,0	9,0	Học tốt, chăm ngoan
20	Nguyễn Công Ninh	9,0	7,0	8,0			8,3	9,5	8,6	Học tốt, ngoan
21	Bùi Ngọc Phát	9,0	9,0	10,0			8,5	6,5	8,1	Học tốt, ngoan
22	Đỗ Thành Phong	5,0	9,0	5,0			6,8	9,4	7,6	Học khá, có cố gắng.
23	Phạm Đăng Quan	8,0	8,0	9,0			8,0	7,2	7,8	Học khá, có cố gắng.
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	9,0	9,0			7,8	8,8	8,6	Học tốt, ngoan
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	9,0	9,0	8,0			7,8	6,5	7,6	Học khá, có cố gắng.
26	Nguyễn Cao Sơn	8,0	9,0	8,0			6,0	7,8	7,6	Học khá, có cố gắng.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0			8,3	9,0	8,8	Học tốt, ngoan
28	Trần Phúc Thiện	7,0	7,0	10,0			8,5	6,8	7,7	Học khá, có cố gắng.
29	Tô Hưng Thịnh	6,0	9,0	8,0			5,8	7,4	7,1	Học khá, có cố gắng.
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	10,0	9,0			8,5	9,5	9,2	Học tốt, chăm ngoan
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	7,0	9,0			9,0	9,5	8,9	Học tốt, ngoan
32	Võ Thị Phụng Tiên	7,0	8,0	9,0			7,8	8,2	8,0	Học tốt, ngoan
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	10,0	9,0			9,0	7,9	8,7	Học tốt, ngoan
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	10,0	9,0			8,3	8,8	8,9	Học tốt, ngoan
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	9,0	10,0			8,8	9,2	9,2	Học tốt, chăm ngoan
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	10,0	10,0			9,3	9,2	9,4	Học tốt, chăm ngoan
37	Trương Công Trứ	10,0	9,0	9,0			9,0	9,8	9,4	Học tốt, chăm ngoan
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	9,0	10,0			8,8	5,5	7,8	Học khá, có cố gắng.
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	8,0	9,0			8,3	8,5	8,5	Học tốt, ngoan
40	Cao Phương Vy	9,0	9,0	10,0			7,8	9,2	8,9	Học tốt, ngoan
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	10,0	9,0	10,0			8,8	9,8	9,5	Học tốt, chăm ngoan
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	10,0	8,0			7,8	8,0	8,3	Học tốt, ngoan
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	7,0	9,0			8,0	8,8	8,3	Học tốt, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 20/48

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú		
1	Ngô Thanh Gia Bảo	8,0	10,0	9,0			7,8	8,5	8,5	Học tốt, chăm ngoan.		
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	8,0	9,0	9,0			7,8	8,0	8,2	Học tốt, chăm ngoan.		
3	Huỳnh Nhật Di	8,0	8,0	9,0			8,0	5,5	7,2	Cần cố gắng hơn.		
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	10,0	9,0			6,8	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.		
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	8,0	8,0	8,0			6,8	7,5	7,5	Học khá, có cố gắng.		
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	8,0	9,0	9,0			10,0	9,3	9,2	Chăm ngoan, ý thức tự học tốt		
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	10,0	9,0	9,0			9,3	7,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.		
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	10,0	9,0			6,8	7,5	7,9	Học khá, có cố gắng.		
9	Nguyễn Quốc Khánh	8,0	10,0	9,0			8,3	7,3	8,2	Học tốt, chăm ngoan.		
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	10,0	8,0			7,5	9,0	8,5	Học tốt, chăm ngoan.		
11	Phạm Minh Mẫn	8,0	9,0	9,0			7,8	8,0	8,2	Học tốt, chăm ngoan.		
12	Phạm Thị Kim My	8,0	8,0	7,0			8,3	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.		
13	Lê Trọng Nam	8,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,4	Học tốt, chăm ngoan.		
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	10,0	9,0			8,5	8,3	8,7	Học tốt, chăm ngoan.		
15	Bùi Như Ngọc	8,0	7,0	9,0			7,8	9,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan.		
16	Phan Thành Nhân	8,0	7,0	9,0			6,3	7,5	7,4	Học khá, có cố gắng.		
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	8,0	8,0			7,0	8,0	7,9	Học khá, có cố gắng.		
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	7,0	10,0	9,0			5,3	5,5	6,6	Cần cố gắng hơn.		
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10,0	10,0	9,0			8,8	9,0	9,2	Chăm ngoan, ý thức tự học tốt.		
20	Nguyễn Công Ninh	8,0	5,0	8,0			7,5	8,5	7,7	Học khá, có cố gắng.		
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	10,0	9,0			6,8	7,5	7,9	Học khá, có cố gắng.		
22	Đỗ Thành Phong	6,0	8,0	7,0			6,5	8,3	7,4	Học khá, có cố gắng.		
23	Phạm Đăng Quan	8,0	8,0	9,0			7,0	6,8	7,4	Cần cố gắng hơn.		
24	Huỳnh Minh Quang	8,0	7,0	9,0			7,8	9,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.		
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	8,0	10,0	8,0			8,5	7,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.		
26	Nguyễn Cao Sơn	9,0	8,0	8,0			7,0	7,8	7,8	Học khá, có cố gắng.		
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	9,0			8,0	9,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.		
28	Trần Phúc Thiện	8,0	10,0	9,0			7,8	6,8	7,9	Học khá, có cố gắng.		
29	Tô Hưng Thịnh	9,0	9,0	9,0			7,3	5,3	7,2	Cần cố gắng hơn.		
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	8,0	9,0			8,0	9,3	8,7	Học tốt, chăm ngoan.		
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	8,0	9,0			7,5	9,0	8,5	Học tốt, chăm ngoan.		
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	8,0	9,0			7,8	7,5	7,9	Học khá, có cố gắng.		
33	Bùi Đăng Hữu Tính	8,0	9,0	8,0			8,0	5,8	7,3	Học khá, có cố gắng.		
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	8,0	8,0	9,0			7,3	8,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan.		
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	10,0	8,0	8,0			7,8	7,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.		
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	10,0	9,0			7,8	8,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.		
37	Trương Công Trứ	9,0	10,0	9,0			9,3	8,8	9,1	Chăm ngoan, ý thức tự học tốt.		
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	8,0	9,0			9,3	8,8	8,9	Học tốt, chăm ngoan.		
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	8,0	9,0			9,3	8,8	8,9	Học tốt, chăm ngoan.		
40	Cao Phương Vy	8,0	7,0	9,0			9,0	6,8	7,8	Học khá, có cố gắng.		
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	10,0	9,0	9,0			9,3	9,0	9,2	Chăm ngoan, ý thức tự học tốt.		
42	Nguyễn Trần Như Ý	8,0	9,0	9,0			8,8	7,5	8,3	Học tốt, chăm ngoan.		
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	9,0	8,0			7,5	8,8	8,3	Học tốt, chăm ngoan.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

HỌC KỲ I Tin học (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	Học tốt	
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	9,0	7,0	10,0			7,5	8,0	8,1	Học tốt	
3	Huỳnh Nhật Di	7,0	6,0	7,0			8,0	7,0	7,1	Học khá, cần tập trung hơn	
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	10,0	9,0			9,5	8,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan	
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	7,0	10,0	6,0			8,5	8,5	8,2	Học tốt	
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Học tốt	
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	10,0	10,0			9,0	7,5	8,7	Học tốt, tích cực	
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	8,0	9,0			8,5	8,0	8,3	Học tốt	
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	10,0	7,0			8,5	5,0	7,3	Học khá	
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	7,0	9,0			9,5	7,5	8,2	Học tốt	
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	8,0	10,0			9,0	9,5	9,2	Học tốt, chăm ngoan	
12	Phạm Thị Kim My	9,0	6,0	10,0			8,5	7,5	8,1	Học tốt	
13	Lê Trọng Nam	9,0	8,0	9,0			8,0	7,0	7,9	Học khá	
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	10,0	9,0			9,5	9,0	9,3	Học tốt, chăm ngoan	
15	Bùi Như Ngọc	9,0	10,0	8,0			9,5	6,0	8,0	Học tốt	
16	Phan Thành Nhân	9,0	10,0	10,0			8,5	8,0	8,8	Học tốt	
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	7,0	10,0			8,5	7,0	8,0	Học tốt	
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	10,0	10,0			8,5	6,5	8,2	Học tốt	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9,0	7,0	8,0			9,5	7,5	8,2	Học tốt	
20	Nguyễn Công Ninh	8,0	7,0	8,0			8,5	6,0	7,3	Học khá	
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	7,0	8,0			9,0	8,0	8,1	Học tốt	
22	Đỗ Thành Phong	9,0	6,0	7,0			7,5	7,0	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn	
23	Phạm Đăng Quan	8,0	6,0	6,0			8,0	7,0	7,1	Học khá	
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	7,0	7,0			9,5	7,5	8,1	Học tốt	
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	9,0	7,0	10,0			8,5	6,0	7,6	Học khá	
26	Nguyễn Cao Sơn	8,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,1	Học tốt	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	8,0			9,0	5,0	7,4	Học khá	
28	Trần Phúc Thiện	9,0	7,0	7,0			8,5	9,0	8,4	Học tốt	
29	Tô Hưng Thịnh	7,0	7,0	9,0			7,5	5,5	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn	
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	8,0	10,0			9,0	8,0	8,6	Học tốt	
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	10,0	10,0			8,5	6,5	8,2	Học tốt	
32	Võ Thị Phụng Tiên	9,0	10,0	8,0			9,0	7,0	8,3	Học tốt	
33	Bùi Đăng Hữu Tính	8,0	7,0	8,0			8,5	8,0	8,0	Học tốt	
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	10,0	8,0			9,0	4,5	7,3	Học khá	
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	8,0	10,0			8,5	6,0	7,8	Học khá	
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	8,0	10,0			9,5	5,5	7,8	Học khá	
37	Trương Công Trứ	9,0	10,0	8,0			8,5	8,5	8,7	Học tốt	
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	10,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan	
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	10,0	10,0			8,0	9,0	9,0	Học tốt, chăm ngoan	
40	Cao Phương Vy	9,0	9,0	9,0			8,5	7,0	8,1	Học tốt	
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,6	Học tốt, chăm ngoan	
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	10,0	10,0			9,5	6,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan	
43	Võ Thị Hải Yến	9,0	10,0	9,0			9,0	3,5	7,1	Học khá	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền Trân

HỌC KỲ I											
Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	7,0	8,0	8,0	8,0		8,0	5,0	6,9	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	6,0	7,0	7,0	7,0		9,0	6,0	7,0	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
3	Huỳnh Nhật Di	6,0	8,0	7,0	7,0		7,5	4,5	6,3	Cần phải cố gắng nhiều hơn	
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	9,0	8,0	9,0		8,0	7,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan	
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	7,0	8,0	7,0	7,0		8,0	4,5	6,5	Được, cần tập trung hơn	
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	10,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,0	9,0	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.	
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	8,0	9,0	8,0	8,0		8,5	9,0	8,6	Rất cố gắng, đáng khen	
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	8,0	6,0	7,0		8,0	6,0	7,0	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
9	Nguyễn Quốc Khánh	8,0	7,0	8,0	8,0		8,0	7,0	7,6	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
10	Tô Hoàng Phương Mai	7,0	8,0	6,0	7,0		7,5	5,0	6,4	Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
11	Phạm Minh Mẫn	7,0	8,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,4	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
12	Phạm Thị Kim My	6,0	7,0	8,0	7,0		7,5	4,5	6,3	Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
13	Lê Trọng Nam	7,0	7,0	8,0	7,0		9,0	5,5	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
14	Nguyễn Ngọc Ngân	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
15	Bùi Như Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	5,5	7,5	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
16	Phan Thành Nhân	8,0	8,0	6,0	7,0		7,0	5,5	6,6	Được, cần tập trung hơn	
17	Nguyễn Minh Nhật	8,0	8,0	8,0	8,0		9,0	6,0	7,6	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	8,0	8,0	8,0	8,0		9,0	8,0	8,2	Tinh thần học tập tốt, năng động	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,5	8,5	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.	
20	Nguyễn Công Ninh	6,0	8,0	8,0	7,0		8,0	6,0	7,0	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	8,0	6,0	7,0		8,5	5,5	6,9	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	
22	Đỗ Thành Phong	7,0	9,0	7,0	8,0		6,0	4,5	6,3	Cần phải cố gắng nhiều hơn	
23	Phạm Đăng Quan	7,0	8,0	8,0	8,0		8,0	6,0	7,2	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
24	Huỳnh Minh Quang	7,0	9,0	8,0	8,0		7,0	6,0	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	6,0	8,0	6,0	7,0		7,0	5,5	6,4	Cần phải cố gắng nhiều hơn	
26	Nguyễn Cao Sơn	7,0	7,0	6,0	7,0		8,0	7,0	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	8,0	8,0		8,5	6,5	7,7	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
28	Trần Phúc Thiện	7,0	8,0	9,0	8,0		7,0	7,5	7,6	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
29	Tô Hưng Thịnh	5,0	9,0	8,0	7,0		8,0	6,0	7,0	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	9,0	8,0	9,0		9,0	7,0	8,2	Học giỏi, chăm ngoan	
31	Nguyễn Anh Thư	7,0	9,0	8,0	8,0		7,5	6,0	7,2	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	6,0	8,0	7,0		8,0	5,0	6,7	Được, cần tập trung hơn	
33	Bùi Đăng Hữu Tính	7,0	9,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,1	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập	
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	7,0	9,0	6,0	7,0		7,0	7,0	7,1	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	7,0	7,0	7,0	7,0		8,0	6,5	7,1	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
36	Cao Ngọc Bảo Trân	8,0	9,0	7,0	8,0		8,5	6,5	7,6	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
37	Trương Công Trứ	8,0	9,0	7,0	8,0		9,0	8,5	8,4	Tinh thần học tập tốt, năng động	
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	8,0	9,0	8,0	8,0		8,0	7,0	7,8	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn	
39	Trịnh Dương Vũ	8,0	9,0	8,0	8,0		8,5	7,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan	
40	Cao Phương Vy	6,0	8,0	8,0	7,0		7,0	5,0	6,4	Cần phải cố gắng nhiều hơn	
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	9,0	10,0	10,0		9,5	9,0	9,3	Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
42	Nguyễn Trần Như Ý	8,0	8,0	8,0	8,0		8,5	7,0	7,8	Học khá, có sáng tạo và năng động	
43	Võ Thị Hải Yến	6,0	8,0	6,0	7,0		7,0	5,5	6,4	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	8,0	9,0			5,8	6,1	7,0	Học khá, có cố gắng.	
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	8,0	8,0	9,0			5,8	8,5	7,8	Học khá, có cố gắng.	
3	Huỳnh Nhật Di	7,0	8,0	9,0			6,3	8,1	7,6	Học khá, có cố gắng.	
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	9,0	9,0			8,5	8,8	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	8,0	10,0	10,0			6,0	5,4	7,0	Học khá, có cố gắng.	
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	9,0	8,0	9,0			7,0	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	9,0	9,0			7,0	8,6	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
8	Lê Hoàng Khánh	9,0	8,0	9,0			5,3	8,0	7,6	Học khá, có cố gắng.	
9	Nguyễn Quốc Khánh	8,0	8,0	9,0			8,5	8,1	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
10	Tô Hoàng Phương Mai	9,0	9,0	10,0			7,0	8,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	8,0	9,0			8,3	9,1	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
12	Phạm Thị Kim My	8,0	8,0	9,0			7,5	5,3	7,0	Học khá, có cố gắng.	
13	Lê Trọng Nam	8,0	8,0	9,0			6,8	8,1	7,9	Học khá, có cố gắng.	
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	8,0	9,0			5,5	9,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
15	Bùi Như Ngọc	8,0	8,0	10,0			6,8	6,4	7,4	Học khá, có cố gắng.	
16	Phan Thành Nhân	9,0	9,0	9,0			4,8	7,0	7,2	Học khá, có cố gắng.	
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	8,0	9,0			6,8	7,8	7,9	Học khá, có cố gắng.	
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	8,0	8,0	9,0			6,3	5,5	6,8	Học khá, có cố gắng.	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9,0	9,0	9,0			7,8	7,1	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
20	Nguyễn Công Ninh	8,0	7,0	9,0			6,8	5,4	6,7	Học khá, có cố gắng.	
21	Bùi Ngọc Phát	9,0	8,0	9,0			8,3	8,0	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
22	Đỗ Thành Phong	5,0	5,0	5,0			6,8	7,1	6,2	Cần cố gắng hơn trong học tập.	
23	Phạm Đăng Quan	9,0	7,0	9,0			7,5	5,0	6,9	Học khá, có cố gắng.	
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	9,0	9,0			7,0	6,5	7,6	Học khá, có cố gắng.	
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	8,0	8,0	10,0			6,3	6,8	7,4	Học khá, có cố gắng.	
26	Nguyễn Cao Sơn	8,0	7,0	9,0			7,5	5,4	6,9	Học khá, có cố gắng.	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	9,0			6,8	8,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
28	Trần Phúc Thiện	7,0	7,0	9,0			8,5	8,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
29	Tô Hưng Thịnh	7,0	5,0	9,0			8,0	6,9	7,2	Học khá, có cố gắng.	
30	Ngô Lê Anh Thư	8,0	8,0	9,0			6,8	8,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	8,0	10,0			6,5	6,6	7,5	Học khá, có cố gắng.	
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	8,0	10,0			6,5	8,6	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
33	Bùi Đăng Hữu Tính	8,0	8,0	9,0			5,5	6,5	6,9	Học khá, có cố gắng.	
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	8,0	8,0	9,0			8,3	8,8	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	8,0	8,0	9,0			7,8	7,9	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	8,0	9,0			7,0	7,8	7,9	Học khá, có cố gắng.	
37	Trương Công Trứ	9,0	9,0	10,0			5,8	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	8,0	10,0			6,8	8,5	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	8,0	9,0			6,5	9,0	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
40	Cao Phương Vy	8,0	8,0	10,0			6,0	7,0	7,4	Học khá, có cố gắng.	
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	9,0	9,0			6,8	8,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	8,0	10,0			6,0	8,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ I Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	7,0	9,0	7,5	8,0		8,3	4,7	6,9	Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.	
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	7,5	9,0	10,0	8,5		8,8	7,8	8,4	Học tốt, ngoan.	
3	Huỳnh Nhật Di	4,5	9,0	6,0	4,5		5,0	7,9	6,4	Cần cố gắng hơn.	
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	6,5	9,0	7,0	6,0		7,0	9,0	7,7	Học khá, ngoan.	
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	8,0	9,0	8,0	8,0		7,3	8,4	8,1	Học tốt, ngoan.	
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	9,0	9,5	8,5	8,0		9,0	9,6	9,1	Học giỏi, chăm ngoan	
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	9,0	8,0	9,0		6,8	6,4	7,5	Ngoan, cần cố gắng.	
8	Lê Hoàng Khánh	6,5	9,0	8,0	8,0		7,0	7,6	7,6	Học khá, ngoan.	
9	Nguyễn Quốc Khánh	6,5	9,0	8,0	7,0		7,8	7,3	7,6	Học khá, ngoan.	
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,5	9,0	9,0	8,0		7,3	8,6	8,3	Học tốt, ngoan.	
11	Phạm Minh Mẫn	4,5	9,0	4,0	7,5		8,8	8,0	7,4	Học khá, ngoan.	
12	Phạm Thị Kim My	6,5	9,0	8,0	7,0		5,5	7,3	7,0	Học khá, ngoan.	
13	Lê Trọng Nam	3,0	6,0	8,0	5,5		4,8	7,4	6,0	Cần cố gắng hơn	
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	9,5	9,0	9,0		9,8	9,8	9,5	Học giỏi, chăm ngoan	
15	Bùi Như Ngọc	9,0	9,0	10,0	8,0		6,8	7,9	8,1	Học tốt, ngoan.	
16	Phan Thành Nhân	6,0	9,0	8,0	8,0		6,5	5,8	6,8	Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.	
17	Nguyễn Minh Nhật	6,5	9,0	8,0	7,5		5,3	5,6	6,5	Cần cố gắng hơn	
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,2	9,2	Học giỏi, chăm ngoan	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9,5	9,0	8,5	9,0		6,8	7,6	8,0	Học tốt, ngoan.	
20	Nguyễn Công Ninh	5,0	9,0	8,0	5,5		4,3	7,5	6,5	Cần cố gắng hơn	
21	Bùi Ngọc Phát	9,5	9,0	8,0	8,5		8,5	8,4	8,6	Học tốt, ngoan.	
22	Đỗ Thành Phong	1,0	0,0	5,0	3,0		3,3	8,8	4,7	Cần cố gắng hơn, cần tập trung vào việc học.	
23	Phạm Đăng Quan	4,0	8,0	5,0	5,0		4,0	8,1	6,0	Cần cố gắng hơn	
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	9,0	8,0	8,0		7,8	9,0	8,5	Học tốt, ngoan.	
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	7,5	9,0	9,0	8,0		6,8	8,2	8,0	Học tốt, ngoan.	
26	Nguyễn Cao Sơn	4,0	9,0	5,0	5,0		6,8	8,2	6,8	Cần cố gắng hơn	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0	8,0		8,5	9,2	8,8	Học tốt, ngoan.	
28	Trần Phúc Thiện	9,0	9,0	9,0	9,5		9,0	9,2	9,1	Học giỏi, chăm ngoan	
29	Tô Hưng Thịnh	5,0	9,0	8,0	8,0		4,5	8,8	7,3	Học khá.	
30	Ngô Lê Anh Thư	8,0	9,5	8,5	8,5		8,0	9,6	8,8	Học tốt, ngoan.	
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	9,0	8,0	7,0		7,0	8,0	7,9	Học khá, ngoan.	
32	Võ Thị Phụng Tiên	7,0	9,0	8,0	8,0		6,8	8,5	7,9	Học khá, ngoan.	
33	Bùi Đăng Hữu Tính	6,0	9,0	8,0	4,0		6,5	7,8	7,0	Học khá, ngoan.	
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	9,0	8,5	9,0		6,8	9,0	8,5	Học tốt, ngoan.	
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	8,5	9,0	8,0	6,5		5,8	7,8	7,4	Học khá, ngoan.	
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	9,0	8,5	8,0		8,8	8,0	8,5	Học tốt, ngoan.	
37	Trương Công Trứ	6,5	9,0	8,0	8,0		8,3	9,0	8,3	Học tốt, ngoan.	
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	6,0	9,0	8,0	8,0		6,5	7,3	7,3	Học khá, ngoan.	
39	Trịnh Dương Vũ	8,5	9,0	8,0	8,5		9,5	10,0	9,2	Học giỏi, chăm ngoan	
40	Cao Phương Vy	8,5	9,0	8,0	9,0		8,5	8,4	8,5	Học tốt, ngoan.	
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,5	9,5	8,5	9,0		9,3	9,0	9,1	Học giỏi, chăm ngoan	
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	9,5	8,0	9,0		8,3	7,6	8,3	Học tốt, ngoan.	
43	Võ Thị Hải Yến	6,5	9,0	8,0	7,5		6,5	8,8	7,8	Học khá, ngoan.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 26/48

Giáo dục thể chất HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
3	Huỳnh Nhật Di	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, có cố gắng.
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
36	Cao Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Giáo dục địa phương											
HỌC KỲ I											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
3	Huỳnh Nhật Di	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
36	Cao Ngọc Bảo Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

HDTrN-HN

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có cố gắng. Nhiệt tình trong học tập.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có cố gắng. Nhiệt tình trong học tập.
3	Huỳnh Nhật Di	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng ở học kỳ 2
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có cố gắng. Nhiệt tình trong học tập.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng ở học kỳ 2
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có cố gắng. Nhiệt tình trong học tập.
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng ở học kỳ 2
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng ở học kỳ 2
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng ở học kỳ 2
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng ở học kỳ 2
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
36	Cao Ngọc Bảo Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, có cố gắng

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng		
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	9,1	7,4	9,2	8,5	8,4	6,9	7,0	6,9	9,2	K	T
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ	Đ	9,0	8,0	9,9	8,2	8,1	7,0	7,8	8,4	7,6	T	T
3	Huỳnh Nhất Di	Đ	Đ	Đ	7,5	7,0	8,2	7,2	7,1	6,3	7,6	6,4	7,8	K	T
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ	Đ	8,6	9,1	9,2	8,6	9,1	8,0	8,8	7,7	9,1	T	T
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ	Đ	7,8	7,8	7,6	7,5	8,2	6,5	7,0	8,1	7,0	K	T
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ	Đ	9,3	8,5	8,9	9,2	8,5	9,0	8,3	9,1	8,9	T	T
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ	Đ	9,1	9,2	9,8	8,6	8,7	8,6	8,4	7,5	8,7	T	T
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ	Đ	8,9	8,0	8,6	7,9	8,3	7,0	7,6	7,6	8,2	K	T
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,5	9,4	8,2	7,3	7,6	8,3	7,6	8,1	T	T
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ	Đ	8,4	7,6	9,7	8,5	8,2	6,4	8,4	8,3	7,6	K	T
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ	Đ	9,3	8,7	9,9	8,2	9,2	7,4	8,7	7,4	8,2	T	T
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ	Đ	8,6	7,4	9,5	8,0	8,1	6,3	7,0	7,0	7,9	K	T
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ	Đ	9,3	8,2	9,0	8,4	7,9	7,1	7,9	6,0	7,5	K	T
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ	Đ	8,9	9,1	9,5	8,7	9,3	8,2	8,2	9,5	7,8	T	T
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,6	8,5	9,0	8,4	8,0	7,5	7,4	8,1	8,9	T	T
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ	Đ	9,3	7,8	8,1	7,4	8,8	6,6	7,2	6,8	8,1	K	T
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ	Đ	8,5	8,1	8,8	7,9	8,0	7,6	7,9	6,5	7,3	K	T
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ	Đ	8,8	7,8	8,1	6,6	8,2	8,2	6,8	9,2	7,4	K	T
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ	Đ	9,8	9,0	9,9	9,2	8,2	8,5	8,0	8,0	9,0	T	T
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,6	9,7	7,7	7,3	7,0	6,7	6,5	7,9	K	T
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ	Đ	8,9	8,1	8,0	7,9	8,1	6,9	8,3	8,6	7,6	T	T
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ	Đ	6,7	7,6	9,0	7,4	7,3	6,3	6,2	4,7	7,0	Đ	K
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ	Đ	7,7	7,8	6,9	7,4	7,1	7,2	6,9	6,0	7,2	K	T
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ	Đ	9,1	8,6	8,8	8,3	8,1	7,1	7,6	8,5	7,4	T	T
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,2	7,6	9,9	8,3	7,6	6,4	7,4	8,0	7,6	K	T
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ	Đ	8,6	7,6	8,7	7,8	8,1	7,1	6,9	6,8	8,0	K	T
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	8,8	8,8	8,7	8,6	7,4	7,7	8,1	8,8	7,9	T	T
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ	Đ	9,3	7,7	8,2	7,9	8,4	7,6	8,2	9,1	8,8	T	T
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ	Đ	7,4	7,1	8,0	7,2	6,8	7,0	7,2	7,3	7,6	K	T
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ	Đ	9,5	9,2	8,6	8,7	8,6	8,2	8,1	8,8	9,1	T	T
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ	Đ	9,2	8,9	8,6	8,5	8,2	7,2	7,5	7,9	8,5	T	T
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ	Đ	7,7	8,0	9,5	7,9	8,3	6,7	8,1	7,9	8,0	K	T
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ	Đ	9,3	8,7	9,9	7,3	8,0	8,1	6,9	7,0	7,2	K	T
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ	Đ	9,1	8,9	8,1	8,1	7,3	7,1	8,5	8,5	8,3	T	T
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ	Đ	8,9	9,2	9,4	8,1	7,8	7,1	8,0	7,4	8,1	T	T
36	Cao Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ	Đ	9,8	9,4	9,4	8,6	7,8	7,6	7,9	8,5	8,9	T	T
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ	Đ	9,9	9,4	9,4	9,1	8,7	8,4	8,3	8,3	8,9	T	T
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ	Đ	9,3	7,8	9,7	8,9	8,6	7,8	8,3	7,3	8,6	T	T
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ	Đ	9,7	8,5	9,6	8,9	9,0	8,1	8,3	9,2	8,4	T	T
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ	Đ	8,8	8,9	9,4	7,8	8,1	6,4	7,4	8,5	8,9	K	T
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ	Đ	9,8	9,5	9,8	9,2	9,6	9,3	9,2	9,1	9,2	T	T
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ	Đ	9,2	8,3	9,2	8,3	8,3	7,8	8,1	8,3	9,2	T	T
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ	Đ	7,7	8,3	9,1	8,3	7,1	6,4	8,1	7,8	8,0	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trần Tấn Phương

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	10,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,0	7,5	8,4	8.6			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	10,0	8,0	10,0	10,0	9,0	9,5	8,5	9,2	9.1			Học giỏi, chăm ngoan.
3	Huỳnh Nhất Di	8,0	7,0	9,0	6,0	7,0	7,3	7,0	7,3	7.4			Đạt.
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,3	8,7	8.7			Ngoan, chăm chỉ.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	10,0	10,0	9,0	9,0	8,0	6,0	8,1	8.0			Đạt.
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	8,8	6,5	8,3	8.6			Ngoan, chăm chỉ.
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	9,5	8,0	9,2	9.2			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
8	Lê Hoàng Khánh	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	6,5	7,5	8,0	8.3			Ngoan, chăm chỉ.
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	8,0	9,0	9,0	8,0	9,5	7,3	8,4	8.4			Ngoan, chăm chỉ.
10	Tô Hoàng Phương Mai	9,0	8,0	9,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,9	8.1			Ngoan, chăm chỉ.
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	5,0	10,0	9,0	8,0	9,0	8,0	8,3	8.6			Ngoan, chăm chỉ.
12	Phạm Thị Kim My	9,0	10,0	9,0	8,0	8,0	9,0	6,8	8,2	8.3			Đạt
13	Lê Trọng Nam	10,0	10,0	9,0	10,0	9,0	9,5	8,5	9,3	9.3			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
14	Nguyễn Ngọc Ngân	10,0	9,0	10,0	9,0	9,0	9,5	7,5	8,9	8.9			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
15	Bùi Như Ngọc	9,0	8,0	10,0	8,0	8,0	9,0	7,5	8,4	8.5			Ngoan, chăm chỉ.
16	Phan Thành Nhân	10,0	6,0	9,0	10,0	9,0	8,0	8,0	8,4	8.7			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	5,0	8,0	10,0	9,0	9,0	7,0	8,0	8.2			Ngoan, chăm chỉ.
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	8,0	10,0	9,0	9,0	8,5	8,5	8,8	8.8			Ngoan, chăm chỉ.
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	9,5	9,0	9,5	9.6			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
20	Nguyễn Công Ninh	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,5	8,5	8.5			Ngoan, có cố gắng.
21	Bùi Ngọc Phát	9,0	8,0	9,0	9,0	8,0	8,0	7,0	8,0	8.3			Ngoan, chăm chỉ.
22	Đỗ Thành Phong	8,0	5,0	7,0	7,0	7,0	7,0	7,8	7,1	7.0			Đạt.
23	Phạm Đăng Quan	8,0	8,0	10,0	7,0	7,0	7,5	7,3	7,7	7.7			Đạt.
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	8,5	7,5	8,6	8.8			Ngoan, chăm chỉ.
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	9,0	8,0	10,0	8,0	9,0	9,0	7,3	8,4	8.3			Ngoan, chăm chỉ.
26	Nguyễn Cao Sơn	9,0	8,0	10,0	8,0	10,0	9,0	5,3	7,9	8.1			Có cố gắng.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	9,0	7,5	8,7	8.7			Ngoan, chăm chỉ.
28	Trần Phúc Thiện	9,0	8,0	10,0	8,0	9,0	9,0	7,0	8,3	8.6			Có cố gắng.
29	Tô Hưng Thịnh	7,0	5,0	10,0	6,0	7,0	6,0	5,0	6,2	6.6			Đạt
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	9,0	7,0	8,5	8.8			Ngoan, chăm chỉ.
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,5	8,0	8,5	8.7			Ngoan, chăm chỉ.
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	8,0	8,0	10,0	7,0	7,0	6,0	7,3	7.4			Đạt
33	Bùi Đăng Hữu Tính	8,0	8,0	10,0	8,0	8,0	9,0	8,0	8,4	8.7			Có cố gắng.
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	8,0	10,0	8,0	8,0	9,0	7,3	8,3	8.6			Có cố gắng.
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	8,0	10,0	9,0	8,0	8,3	7,5	8,3	8.5			Có cố gắng.
36	Cao Ngọc Bảo Trân	10,0	9,0	10,0	10,0	9,0	9,3	7,8	9,0	9.3			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
37	Trương Công Trứ	10,0	8,0	10,0	10,0	10,0	9,5	9,0	9,4	9.6			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	9,0	8,0	8,0	7,0	9,0	6,5	7,9	8.4			Có cố gắng.
39	Trịnh Dương Vũ	10,0	8,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,5	9,5	9.6			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
40	Cao Phương Vy	8,0	8,0	10,0	8,0	7,0	9,0	8,5	8,5	8.6			Có cố gắng.
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	10,0	9,0	9,0	10,0	10,0	9,8	9,5	9,6	9.7			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	7,0	6,5	8,0	8.4			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu.
43	Võ Thị Hải Yến	7,0	8,0	9,0	9,0	7,0	7,5	7,0	7,6	7.6			Đạt

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

HỌC KỲ II Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	9,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,3	8.0			Chăm ngoan, học tốt, tiến bộ
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	9,0	10,0	9,0	10,0		8,8	10,0	9,5	9.0			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
3	Huỳnh Nhất Di	7,0	7,0	9,0	8,0		8,5	8,5	8,2	7.8			Chăm ngoan, học khá
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,5	9,4	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	9,0	9,0	8,0		8,5	9,8	9,0	8.6			Chăm ngoan, học tốt, tiến bộ
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	10,0	10,0	9,0	10,0		8,5	9,3	9,3	9.0			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	10,0	10,0	9,0	10,0		9,8	10,0	9,8	9.6			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	9,0	9,0	8,0		8,0	9,0	8,6	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	9,0	9,0	9,0		9,0	7,0	8,3	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	9,0	9,0	8,0		8,5	8,5	8,5	8.2			Học khá, chăm ngoan
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	10,0	9,0	10,0		9,8	9,5	9,6	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
12	Phạm Thị Kim My	8,0	8,0	9,0	8,0		8,3	7,0	7,8	7.7			Học khá, chăm ngoan
13	Lê Trọng Nam	9,0	10,0	9,0	8,0		8,3	9,0	8,8	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Ngọc Ngân	10,0	10,0	9,0	10,0		9,3	10,0	9,7	9.5			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
15	Bùi Như Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,5	8,5	8.5			Học khá, chăm ngoan
16	Phan Thành Nhân	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	7,3	8,1	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	9,0	9,0	9,0		9,3	8,5	8,9	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	10,0	9,0	7,0		8,0	8,8	8,6	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10,0	10,0	9,0	10,0		9,5	9,5	9,6	9.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
20	Nguyễn Công Ninh	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	7,8	8,3	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
21	Bùi Ngọc Phát	9,0	8,0	9,0	8,0		7,8	9,3	8,6	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
22	Đỗ Thành Phong	7,0	7,0	9,0	9,0		8,3	8,5	8,2	8.0			Học khá, chưa có sự tiến bộ
23	Phạm Đăng Quan	7,0	7,0	9,0	7,0		9,3	8,5	8,2	8.1			Học khá, ngoan
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	10,0	9,0	8,0		9,8	6,8	8,4	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,3	8,4	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
26	Nguyễn Cao Sơn	8,0	8,0	9,0	8,0		8,5	8,5	8,4	8.1			Học khá, ngoan
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	10,0	9,0	9,0		8,8	9,3	9,2	9.1			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
28	Trần Phúc Thiện	9,0	10,0	9,0	8,0		9,5	9,8	9,4	8.8			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
29	Tô Hưng Thịnh	7,0	8,0	9,0	7,0		8,5	3,8	6,6	6.8			Học khá, chưa có sự tiến bộ
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	8,5	8,9	9.0			Học giỏi, chăm ngoan
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	10,0	9,0	9,0		8,8	7,0	8,4	8.6			Học giỏi, chăm ngoan
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	8,0	9,0	8,0		8,0	8,5	8,3	8.2			Học khá, ngoan
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	8,0	9,0	8,0		9,8	8,5	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	9,0	9,0	10,0		8,8	8,5	8,9	8.9			Học khá, ngoan
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	10,0	9,0	8,0		8,5	8,8	8,8	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
36	Cao Ngọc Bảo Trân	10,0	10,0	9,0	9,0		9,3	10,0	9,6	9.5			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
37	Trương Công Trứ	9,0	9,0	9,0	9,0		8,8	10,0	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	9,0	9,0	7,0		8,0	5,8	7,5	7.6			Học khá, ngoan
39	Trịnh Dương Vũ	10,0	10,0	9,0	10,0		9,5	9,8	9,7	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
40	Cao Phương Vy	8,0	9,0	9,0	9,0		9,0	5,5	7,7	8.1			Học khá, ngoan
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	10,0	9,0	10,0		9,8	10,0	9,7	9.6			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
42	Nguyễn Trần Như Ý	10,0	9,0	9,0	9,0		9,3	6,8	8,4	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	8,0	9,0	9,0		8,5	8,5	8,5	8.4			Học khá, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

Học kỳ II

Hóa học															(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐDGTx						ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú															
												ĐTBmhkII	ĐTBmcn																
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	9,0	9,0	9,5			9,5	10,0	9,5	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	9,5	10,0	9,5	10,0			10,0	10,0	9,9	9.9			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
3	Huỳnh Nhất Di	9,0	9,0	9,0	8,0			8,0	7,3	8,1	8.1			Học khá, cố gắng thêm.															
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	9,0	9,0	9,5			8,8	10,0	9,3	9.3			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	9,0	8,0	8,0			9,0	7,0	8,1	7.9			Học khá, cố gắng thêm.															
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	9,0	9,0	9,0	9,5			9,5	9,5	9,3	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	10,0	9,5	10,0			9,0	10,0	9,6	9.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	8,0	8,0	9,0			7,0	8,8	8,2	8.3			Học tốt, cần phát huy															
9	Nguyễn Quốc Khánh	8,0	9,0	8,5	9,0			9,5	8,8	8,9	9.1			Học tốt, cần phát huy															
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	9,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,5	8.9			Học tốt, cần phát huy															
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	10,0	9,5	10,0			9,5	10,0	9,7	9.8			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
12	Phạm Thị Kim My	10,0	9,5	10,0	9,5			9,0	9,5	9,5	9.5			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
13	Lê Trọng Nam	9,0	9,0	9,5	9,0			8,3	9,3	9,0	9.0			Học tốt, cần phát huy															
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	9,0	9,5	9,5			9,0	9,8	9,4	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
15	Bùi Như Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0			8,5	10,0	9,1	9.1			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
16	Phan Thành Nhân	8,0	9,0	8,0	9,0			7,3	9,5	8,6	8.4			Học tốt, cần phát huy															
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	9,0	9,0	9,0			9,3	8,8	9,0	8.9			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	8,0	9,0	8,0	9,0			8,8	8,3	8,5	8.4			Học tốt, cần phát huy															
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9,0	10,0	9,5	10,0			9,5	10,0	9,7	9.8			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
20	Nguyễn Công Ninh	9,0	10,0	9,5	10,0			9,5	10,0	9,7	9.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	9,0	8,5	9,0			8,0	9,3	8,7	8.5			Học tốt, cần phát huy															
22	Đỗ Thành Phong	9,0	9,0	9,0	9,0			7,5	8,3	8,4	8.6			Học khá, cố gắng thêm.															
23	Phạm Đăng Quan	9,0	9,0	9,0	9,0			8,3	6,3	7,9	7.6			Học khá, cố gắng thêm.															
24	Huỳnh Minh Quang	8,0	9,0	8,5	9,0			7,3	9,8	8,7	8.7			Học tốt, cần phát huy															
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	9,0	9,0	9,0	9,0			8,0	10,0	9,1	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
26	Nguyễn Cao Sơn	9,0	8,0	8,5	9,0			8,0	8,0	8,3	8.4			Học khá, cố gắng thêm.															
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	8,0	9,0			8,3	8,5	8,5	8.6			Học tốt, cần phát huy															
28	Trần Phúc Thiện	8,0	9,0	8,0	9,0			8,0	9,0	8,6	8.5			Học tốt, cần phát huy															
29	Tô Hưng Thịnh	8,0	8,0	7,0	8,0			6,5	6,8	7,2	7.5			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.															
30	Ngô Lê Anh Thư	8,0	9,0	8,0	9,0			8,3	8,8	8,6	8.6			Học tốt, cần phát huy															
31	Nguyễn Anh Thư	8,0	8,0	8,0	8,0			8,0	7,8	7,9	8.1			Học khá, cố gắng thêm.															
32	Võ Thị Phụng Tiên	9,0	8,0	8,5	9,0			7,5	8,3	8,3	8.7			Học khá, cố gắng thêm.															
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	10,0	9,5	10,0			9,5	10,0	9,7	9.8			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	8,0	9,0	8,0	9,0			7,5	8,0	8,1	8.1			Học tốt, cần phát huy															
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	10,0	9,5	9,5			9,5	10,0	9,7	9.6			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	9,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,0	9.1			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
37	Trương Công Trứ	9,0	9,0	9,0	9,5			9,0	9,5	9,2	9.3			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	8,0	9,0	8,5	9,0			9,3	8,5	8,7	9.0			Học tốt, cần phát huy															
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	10,0	9,0	9,5			9,5	9,5	9,4	9.5			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
40	Cao Phương Vy	8,0	8,0	7,5	8,0			6,0	8,8	7,8	8.3			Học khá, cố gắng thêm.															
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	10,0	9,5	9,5			9,5	10,0	9,7	9.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	10,0	9,5	9,5			9,0	10,0	9,6	9.5			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
43	Võ Thị Hải Yến	9,0	9,0	9,0	9,0			6,8	9,3	8,6	8.8			Học tốt, cần phát huy															

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Học Kỳ II

Sinh học		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			7,0	9,0	8,5	8.5			Ngoan, chăm chỉ.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	9,0	8,0	8,0			7,3	9,0	8,3	8.3			Ngoan, chăm chỉ
3	Huỳnh Nhật Di	8,0	8,0	8,0			9,0	8,8	8,6	8.1			Có tiến bộ trong học tập
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	8,0	10,0	10,0			7,0	8,5	8,4	8.5			Ngoan, chăm chỉ.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	8,0	10,0	9,0			7,5	8,8	8,6	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	8,0	10,0	10,0			9,5	8,0	8,9	9.0			Ngoan, chăm chỉ.
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	10,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,5	9.2			Học tốt, chăm ngoan, gương mẫu.
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,8	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
9	Nguyễn Quốc Khánh	8,0	10,0	8,0			9,8	8,5	8,9	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	10,0	8,0			8,0	8,5	8,4	8.4			Ngoan, chăm chỉ
11	Phạm Minh Mẫn	8,0	10,0	10,0			7,0	8,5	8,4	8.3			Chăm ngoan ,có cố gắng.
12	Phạm Thị Kim My	8,0	9,0	8,0			9,0	8,8	8,7	8.5			Chăm ngoan, có cố gắng trong học tập
13	Lê Trọng Nam	9,0	7,0	8,0			8,0	8,8	8,3	8.3			Chăm ngoan, có cố gắng.
14	Nguyễn Ngọc Ngân	8,0	7,0	10,0			9,5	8,5	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
15	Bùi Như Ngọc	9,0	10,0	8,0			5,5	8,8	8,1	8.2			Chăm ngoan, có cố gắng.
16	Phan Thành Nhân	9,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,6	8.2			Chăm ngoan, có cố gắng.
17	Nguyễn Minh Nhật	8,0	9,0	9,0			8,0	8,8	8,6	8.4			Chăm ngoan, có cố gắng.
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	7,0	9,0			7,0	8,3	8,0	7.5			Chăm ngoan, có cố gắng.
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9,0	10,0	9,0			9,0	8,8	9,1	9.1			Học tốt, chăm ngoan, gương mẫu.
20	Nguyễn Công Ninh	8,0	9,0	9,0			7,5	8,8	8,4	8.2			Chăm ngoan, có cố gắng.
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	10,0	9,0			7,0	9,0	8,5	8.3			Chăm ngoan, có cố gắng.
22	Đỗ Thành Phong	8,0	10,0	7,0			9,3	8,5	8,6	8.2			Chăm ngoan, có cố gắng.
23	Phạm Đăng Quan	8,0	8,0	9,0			9,0	8,8	8,7	8.3			Chăm ngoan, có cố gắng.
24	Huỳnh Minh Quang	8,0	10,0	10,0			7,8	8,0	8,5	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	8,0	9,0	8,0			7,3	8,8	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Cao Sơn	8,0	10,0	8,0			8,8	9,0	8,8	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	8,0	10,0			9,0	8,3	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
28	Trần Phúc Thiện	8,0	9,0	10,0			7,5	8,8	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
29	Tô Hưng Thịnh	8,0	9,0	9,0			9,3	8,5	8,8	8.3			Chăm ngoan, có cố gắng.
30	Ngô Lê Anh Thư	8,0	9,0	10,0			8,0	8,5	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
31	Nguyễn Anh Thư	8,0	10,0	10,0			8,0	8,8	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	8,0	10,0			9,0	8,8	8,8	8.5			Chăm ngoan, có cố gắng.
33	Bùi Đăng Hữu Tính	8,0	9,0	9,0			6,5	8,8	8,2	7.9			Chăm ngoan, có cố gắng.
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	8,0	10,0	8,0			7,5	8,8	8,4	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	8,0	8,0	9,0			7,0	9,3	8,4	8.3			Chăm ngoan, có cố gắng.
36	Cao Ngọc Bảo Trân	8,0	10,0	10,0			8,0	8,5	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
37	Trương Công Trứ	9,0	9,0	8,0			9,0	8,3	8,6	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	10,0	8,0			9,0	8,3	8,7	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	10,0	10,0			10,0	9,3	9,6	9.4			Học tốt, chăm ngoan.
40	Cao Phương Vy	9,0	9,0	8,0			7,0	9,3	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	10,0	9,0	10,0			9,8	9,0	9,5	9.4			Học tốt, chăm ngoan, gương mẫu.
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	8,0	10,0			8,3	8,3	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	8,0	8,0			8,8	9,0	8,6	8.5			Chăm ngoan, có cố gắng.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

Tin học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	10,0	9,0			9,5	9,5	9,4	9.1			Học tốt, tích cực
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	8,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,2	8.8			Học tốt
3	Huỳnh Nhất Di	8,0	9,0	9,0			8,8	9,5	9,0	8.4			Học khá
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,2	9.2			Học tốt, tích cực
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	10,0	10,0			8,8	9,0	9,2	8.9			Học tốt, tích cực
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	8,0	10,0	10,0			8,8	9,5	9,3	9.0			Học tốt, tích cực
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	10,0	10,0			8,3	9,3	9,2	9.0			Học tốt, tích cực
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	9,0	10,0			9,0	9,5	9,2	8.9			Học tốt, tích cực
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	10,0	10,0			8,0	9,3	9,1	8.5			Học tốt, tích cực
10	Tô Hoàng Phương Mai	9,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,4	9.0			Học tốt, tích cực
11	Phạm Minh Mẫn	9,0	10,0	9,0			8,5	9,5	9,2	9.2			Học tốt, tích cực
12	Phạm Thị Kim My	9,0	9,0	10,0			8,8	9,5	9,3	8.9			Học tốt
13	Lê Trọng Nam	8,0	9,0	10,0			9,3	9,8	9,4	8.9			Học tốt, tích cực
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	10,0	10,0			8,8	9,5	9,4	9.4			Học tốt, tích cực
15	Bùi Như Ngọc	9,0	9,0	10,0			8,3	9,5	9,1	8.7			Học tốt, tích cực
16	Phan Thành Nhân	9,0	10,0	9,0			7,8	9,0	8,8	8.8			Học tốt, tích cực
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	10,0	9,0			9,3	9,3	9,3	8.9			Học tốt, tích cực
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,4	9.0			Học tốt, tích cực
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9,0	10,0	10,0			8,0	9,3	9,1	8.8			Học tốt, tích cực
20	Nguyễn Công Ninh	9,0	9,0	10,0			8,8	9,3	9,2	8.6			Học tốt, tích cực
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	10,0	10,0			9,0	9,5	9,3	8.9			Học tốt, tích cực
22	Đỗ Thành Phong	8,0	9,0	10,0			7,8	8,8	8,6	8.2			Học khá
23	Phạm Đăng Quan	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	8.4			Học khá
24	Huỳnh Minh Quang	8,0	10,0	10,0			8,5	9,5	9,2	8.8			Học tốt, tích cực
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	9,0	10,0	10,0			9,0	9,8	9,6	8.9			Học tốt, tích cực
26	Nguyễn Cao Sơn	8,0	9,0	10,0			8,5	9,5	9,1	8.8			Học tốt, tích cực
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	10,0	10,0			7,8	9,8	9,3	8.7			Học tốt, tích cực
28	Trần Phúc Thiện	8,0	10,0	10,0			9,3	9,3	9,3	9.0			Học tốt, tích cực
29	Tô Hưng Thịnh	9,0	10,0	10,0			8,8	9,0	9,2	8.4			Học tốt, có tiến bộ
30	Ngô Lê Anh Thư	9,0	10,0	10,0			7,8	9,5	9,1	8.9			Học tốt, tích cực
31	Nguyễn Anh Thư	9,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,2	8.9			Học tốt, tích cực
32	Võ Thị Phụng Tiên	9,0	10,0	10,0			8,3	9,3	9,2	8.9			Học tốt, tích cực
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	10,0	10,0			8,3	9,0	9,1	8.7			Học tốt, tích cực
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	9,0	10,0	10,0			9,3	9,3	9,4	8.7			Học tốt
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	9,0	9,0	10,0			9,0	9,5	9,3	8.8			Học tốt
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,6	9.0			Học tốt, tích cực
37	Trương Công Trứ	8,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,1	9.0			Học tốt, tích cực
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,0	10,0	10,0			9,5	9,3	9,5	9.2			Học tốt, tích cực
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	10,0	9,0			9,5	9,5	9,4	9.3			Học tốt, tích cực
40	Cao Phương Vy	9,0	10,0	10,0			8,8	9,5	9,4	9.0			Học tốt, tích cực
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	9,0	10,0	10,0			8,3	9,3	9,2	9.3			Học tốt, tích cực
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,0	10,0	10,0			8,3	9,3	9,2	8.9			Học tốt, tích cực
43	Võ Thị Hải Yến	10,0	9,0	10,0			7,8	9,3	9,1	8.4			Học tốt, có cố gắng

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền Trân

HỌC KỲ II Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	5,0	8,0	7,0	7,0		9,0	7,0	7,3	7.2			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	8,0	8,0	7,0	8,0		9,0	8,5	8,3	7.9			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
3	Huỳnh Nhất Di	9,0	9,0	8,0	8,0		8,0	5,5	7,4	7.0			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	9,0	7,0	10,0		10,0	8,5	8,9	8.6			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	9,0	8,0	9,0		9,0	7,0	8,2	7.6			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,7	9.5			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	7,0	9,0	8,0	10,0		9,5	9,0	8,9	8.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
8	Lê Hoàng Khánh	8,0	9,0	8,0	9,0		9,0	7,0	8,1	7.7			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	7,0	10,0	10,0		9,0	7,0	8,3	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
10	Tô Hoàng Phương Mai	5,0	8,0	6,0	6,0		9,0	6,0	6,8	6.7			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập
11	Phạm Minh Mẫn	7,0	8,0	8,0	8,0		9,0	7,5	7,9	7.7			Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao
12	Phạm Thị Kim My	8,0	8,0	7,0	9,0		9,0	5,5	7,4	7.0			Được, cần tập trung hơn
13	Lê Trọng Nam	8,0	8,0	9,0	8,0		10,0	4,5	7,4	7.3			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập
14	Nguyễn Ngọc Ngân	9,0	8,0	9,0	9,0		9,0	9,0	8,9	8.7			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
15	Bùi Như Ngọc	8,0	8,0	5,0	7,0		8,0	6,5	7,1	7.2			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
16	Phan Thành Nhân	8,0	8,0	7,0	8,0		9,0	6,5	7,6	7.3			Học khá, có sáng tạo và năng động
17	Nguyễn Minh Nhật	6,0	6,0	7,0	6,0		8,0	6,5	6,7	7.0			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	8,0	8,0	8,0	10,0		10,0	8,0	8,7	8.5			Chăm chỉ, năng động và sáng tạo
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	7,0	10,0	6,0	10,0		9,0	8,0	8,3	8.4			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
20	Nguyễn Công Ninh	5,0	6,0	6,0	6,0		8,0	7,0	6,7	6.8			Được, cần tập trung hơn
21	Bùi Ngọc Phát	6,0	7,0	6,0	8,0		9,0	6,5	7,2	7.1			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
22	Đỗ Thành Phong	8,0	8,0	8,0	8,0		9,0	6,0	7,6	7.2			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
23	Phạm Đăng Quan	8,0	8,0	8,0	8,0		8,0	6,5	7,5	7.4			Được, cần tập trung hơn
24	Huỳnh Minh Quang	7,0	7,0	9,0	9,0		10,0	7,5	8,3	7.9			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	5,0	8,0	6,0	7,0		9,0	6,0	6,9	6.7			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần
26	Nguyễn Cao Sơn	9,0	8,0	7,0	8,0		9,0	7,0	7,9	7.6			Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	8,0	7,0	8,0		9,0	6,5	7,6	7.6			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
28	Trần Phúc Thiện	9,0	8,0	6,0	8,0		9,0	6,0	7,4	7.5			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
29	Tô Hưng Thịnh	8,0	8,0	7,0	8,0		6,0	5,5	6,6	6.7			Phải nỗ lực nhiều hơn
30	Ngô Lê Anh Thư	8,0	8,0	8,0	10,0		9,0	8,5	8,6	8.5			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
31	Nguyễn Anh Thư	8,0	8,0	7,0	9,0		10,0	7,0	8,1	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
32	Võ Thị Phụng Tiên	8,0	7,0	7,0	7,0		10,0	6,0	7,4	7.2			Được, cần tập trung hơn
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	9,0	8,0	10,0		9,0	7,5	8,5	8.4			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	7,0	8,0	6,0	7,0		9,0	6,0	7,1	7.1			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	8,0	7,0	6,0	9,0		8,0	6,0	7,1	7.1			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
36	Cao Ngọc Bảo Trân	8,0	8,0	8,0	8,0		9,0	7,5	8,1	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
37	Trương Công Trứ	9,0	8,0	6,0	10,0		9,0	7,0	8,0	8.1			Tinh thần học tập tốt, năng động
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	5,0	8,0	7,0	7,0		9,0	8,5	7,8	7.8			Học khá, có sáng tạo và năng động
39	Trịnh Dương Vũ	9,0	8,0	7,0	9,0		10,0	7,0	8,2	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
40	Cao Phương Vy	8,0	9,0	7,0	8,0		9,0	6,5	7,7	7.3			Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,7	9.6			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
42	Nguyễn Trần Như Ý	7,0	7,0	6,0	9,0		10,0	8,0	8,1	8.0			Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập
43	Võ Thị Hải Yến	9,0	8,0	7,0	8,0		9,0	7,0	7,9	7.4			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	10,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,5	8.0			Chăm, ngoan.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	10,0	8,0	9,0			8,0	7,3	8,1	8.0			Chăm, ngoan.
3	Huỳnh Nhất Di	9,0	10,0	10,0			8,8	7,3	8,6	8.3			Chăm, ngoan.
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	9,0	8,0	8,0			8,8	8,8	8,6	8.7			Chăm, ngoan.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	10,0	10,0	9,0			8,5	9,3	9,2	8.5			Chăm, ngoan.
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	9,0	9,0	9,0			8,5	10,0	9,3	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	9,0	10,0	10,0			9,0	9,0	9,3	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
8	Lê Hoàng Khánh	10,0	8,0	8,0			8,5	9,3	8,9	8.5			Chăm, ngoan.
9	Nguyễn Quốc Khánh	7,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,1	8.2			Chăm, ngoan.
10	Tô Hoàng Phương Mai	8,0	8,0	9,0			8,0	10,0	8,9	8.7			Chăm, ngoan.
11	Phạm Minh Mẫn	7,0	8,0	9,0			7,5	7,3	7,6	8.0			Học khá, có cố gắng.
12	Phạm Thị Kim My	9,0	10,0	10,0			7,8	8,5	8,8	8.2			Chăm, ngoan.
13	Lê Trọng Nam	8,0	8,0	10,0			8,8	7,0	8,1	8.0			Học khá, có cố gắng.
14	Nguyễn Ngọc Ngân	8,0	8,0	9,0			8,3	8,8	8,5	8.4			Chăm, ngoan.
15	Bùi Như Ngọc	7,0	8,0	9,0			9,0	9,0	8,6	8.2			Chăm, ngoan.
16	Phan Thành Nhân	9,0	8,0	9,0			8,8	7,8	8,4	8.0			Chăm, ngoan.
17	Nguyễn Minh Nhật	9,0	8,0	8,0			7,8	7,0	7,7	7.8			Học khá, có cố gắng.
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	8,0	8,0	9,0			7,8	6,5	7,5	7.3			Học khá, có cố gắng.
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	7,0	10,0	10,0			8,0	8,5	8,6	8.4			Chăm, ngoan.
20	Nguyễn Công Ninh	9,0	8,0	8,0			7,5	10,0	8,8	8.1			Chăm, ngoan.
21	Bùi Ngọc Phát	9,0	8,0	8,0			8,5	8,8	8,6	8.5			Chăm, ngoan.
22	Đỗ Thành Phong	9,0	8,0	8,0			7,3	8,0	8,0	7.4			Chăm, ngoan.
23	Phạm Đăng Quan	10,0	9,0	8,0			8,3	8,3	8,6	8.0			Chăm, ngoan.
24	Huỳnh Minh Quang	8,0	10,0	10,0			7,0	9,5	8,8	8.4			Chăm, ngoan.
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	7,0	8,0	9,0			8,8	9,3	8,7	8.3			Chăm, ngoan.
26	Nguyễn Cao Sơn	10,0	9,0	8,0			8,5	8,5	8,7	8.1			Chăm, ngoan.
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	8,0	9,0			8,8	8,8	8,6	8.4			Chăm, ngoan.
28	Trần Phúc Thiện	7,0	8,0	8,0			8,5	9,8	8,7	8.5			Chăm, ngoan.
29	Tô Hưng Thịnh	10,0	10,0	10,0			7,5	7,0	8,3	7.9			Học khá, có cố gắng.
30	Ngô Lê Anh Thư	7,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,3	8.2			Chăm, ngoan.
31	Nguyễn Anh Thư	8,0	8,0	9,0			7,8	9,3	8,6	8.2			Chăm, ngoan.
32	Võ Thị Phụng Tiên	10,0	10,0	9,0			8,3	9,5	9,3	8.9			Chăm, ngoan.
33	Bùi Đăng Hữu Tính	9,0	8,0	9,0			8,3	7,5	8,1	7.7			Chăm, ngoan.
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	8,0	9,0	10,0			8,0	7,8	8,3	8.4			Chăm, ngoan.
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	8,0	10,0	8,0			8,0	10,0	9,0	8.7			Chăm, ngoan.
36	Cao Ngọc Bảo Trân	9,0	8,0	9,0			8,3	8,3	8,4	8.2			Chăm, ngoan.
37	Trương Công Trứ	9,0	8,0	8,0			8,8	8,5	8,5	8.4			Chăm, ngoan.
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	7,0	8,0	9,0			8,5	8,5	8,3	8.3			Chăm, ngoan.
39	Trịnh Dương Vũ	8,0	8,0	9,0			9,3	9,3	8,9	8.7			Chăm, ngoan.
40	Cao Phương Vy	8,0	8,0	9,0			8,8	8,8	8,6	8.2			Chăm, ngoan.
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	8,0	8,0	9,0			9,8	9,0	9,0	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
42	Nguyễn Trần Như Ý	7,0	8,0	9,0			8,5	9,8	8,8	8.6			Chăm, ngoan.
43	Võ Thị Hải Yến	8,0	8,0	9,0			7,5	8,5	8,2	8.2			Chăm, ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II Ngọai ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Ngô Thanh Gia Bảo	9,0	9,0	7,5	9,5		6,5	5,1	7,0	7.0			Học khá, ngoan.
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	4,5	9,0	8,5	7,5		6,0	5,7	6,5	7.1			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.
3	Huỳnh Nhất Di	8,5	8,0	8,5	6,5		6,8	4,3	6,4	6.4			cần cố gắng hơn
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	8,5	10,0	9,5	9,0		5,8	7,2	7,8	7.8			Học khá, ngoan.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	9,0	9,0	8,5	9,0		7,0	7,4	8,0	8.0			Học tốt, ngoan.
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	9,5	10,0	9,0	8,5		7,5	8,8	8,7	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	6,5	10,0	9,5	8,0		5,8	8,8	8,0	7.8			Học tốt, ngoan.
8	Lê Hoàng Khánh	8,5	9,0	8,0	8,0		6,5	5,3	6,9	7.1			Cần cố gắng hơn
9	Nguyễn Quốc Khánh	9,0	9,0	9,0	7,5		6,0	6,3	7,3	7.4			Học khá, ngoan.
10	Tô Hoàng Phương Mai	9,5	9,0	8,5	7,0		7,5	5,8	7,4	7.7			Học khá, ngoan.
11	Phạm Minh Mẫn	9,5	9,0	6,5	7,5		6,3	6,8	7,3	7.3			Học khá, ngoan.
12	Phạm Thị Kim My	9,0	9,0	9,5	7,0		4,5	6,2	6,9	6.9			Cần cố gắng hơn
13	Lê Trọng Nam	5,5	9,0	9,0	7,0		5,5	4,6	6,1	6.1			Cần cố gắng hơn
14	Nguyễn Ngọc Ngân	8,0	10,0	9,0	9,5		9,0	9,6	9,3	9.4			Học giỏi, chăm ngoan
15	Bùi Như Ngọc	7,0	8,0	9,0	7,0		7,3	6,2	7,1	7.4			cần cố gắng hơn
16	Phan Thành Nhân	7,0	9,0	8,5	8,0		6,3	5,2	6,7	6.7			cần cố gắng hơn
17	Nguyễn Minh Nhật	8,5	9,0	8,0	8,5		4,8	3,8	6,1	6.2			Cần cố gắng hơn
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	9,0	9,0	8,0	10,0		7,8	9,6	8,9	9.0			Học giỏi, chăm ngoan
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	8,5	10,0	9,5	10,0		7,3	7,1	8,2	8.1			Học tốt, ngoan.
20	Nguyễn Công Ninh	6,5	9,0	9,0	7,5		6,5	5,7	6,9	6.8			Cần cố gắng hơn
21	Bùi Ngọc Phát	8,0	9,0	8,0	8,0		8,0	7,9	8,1	8.3			Học tốt, ngoan.
22	Đỗ Thành Phong	8,0	8,0	8,0	8,0		7,5	5,3	7,0	6.2			Cần cố gắng hơn
23	Phạm Đăng Quan	9,5	8,0	9,0	7,5		7,5	5,8	7,4	6.9			Học khá, ngoan.
24	Huỳnh Minh Quang	9,0	9,0	9,5	7,0		5,5	7,4	7,5	7.8			Học khá, ngoan.
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	7,0	9,0	6,0	8,0		5,8	5,1	6,3	6.9			Cần cố gắng hơn
26	Nguyễn Cao Sơn	8,5	9,0	8,5	9,0		5,8	5,3	6,9	6.9			Cần cố gắng hơn
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,5	9,0	9,5	8,0		7,0	6,4	7,7	8.1			Học khá, ngoan.
28	Trần Phúc Thiện	7,0	9,0	7,5	9,5		8,0	8,6	8,3	8.6			Học tốt, ngoan.
29	Tô Hưng Thịnh	9,0	8,0	8,5	8,0		3,0	1,4	4,9	5.7			Cần cố gắng hơn
30	Ngô Lê Anh Thư	8,5	10,0	9,0	8,5		7,5	8,4	8,5	8.6			Học tốt, ngoan.
31	Nguyễn Anh Thư	5,5	10,0	9,5	8,0		8,0	7,0	7,8	7.8			Học khá, ngoan.
32	Võ Thị Phụng Tiên	9,0	9,0	8,0	8,0		5,5	5,8	6,9	7.2			Cần cố gắng hơn
33	Bùi Đăng Hữu Tính	8,5	9,0	7,0	8,0		5,8	4,4	6,4	6.6			Cần cố gắng hơn
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	8,5	9,0	9,5	9,5		6,8	7,3	8,0	8.2			Học tốt, ngoan.
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	6,5	10,0	9,5	8,0		5,3	7,6	7,5	7.5			Học khá, ngoan.
36	Cao Ngọc Bảo Trân	7,5	10,0	9,0	9,0		7,3	8,3	8,3	8.4			Học tốt, ngoan.
37	Trương Công Trứ	8,5	9,0	9,0	8,0		7,3	9,1	8,5	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	9,5	9,0	9,0	8,0		6,0	6,1	7,3	7.3			Học khá, ngoan.
39	Trịnh Dương Vũ	7,5	10,0	8,5	9,0		6,8	9,6	8,6	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
40	Cao Phương Vy	9,0	9,0	8,5	9,0		5,8	6,8	7,5	7.8			Học khá, ngoan.
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	8,5	10,0	9,5	9,0		8,5	9,6	9,2	9.2			Học giỏi, chăm ngoan
42	Nguyễn Trần Như Ý	9,5	10,0	9,5	8,0		6,0	6,4	7,6	7.8			Học khá, ngoan.
43	Võ Thị Hải Yến	7,5	9,0	8,0	8,0		6,5	5,6	6,9	7.2			Cần cố gắng hơn

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

HỌC KỲ II													
Giáo dục thể chất (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		
												Học kỳ	Cuối năm
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
3	Huỳnh Nhất Di	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Cần nỗ lực hơn trong tập luyện
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Cần nỗ lực hơn trong tập luyện
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
36	Cao Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

HỌC KỲ II

Giáo dục địa phương

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú		
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)												
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại			
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)														
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
3	Huỳnh Nhất Di	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
36	Cao Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)												Học kỳ	Cuối năm																												
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
3	Huỳnh Nhất Di	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
32	Võ Thị Phụng Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
36	Cao Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											
43	Võ Thị Hải Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng		
1	Ngô Thanh Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	8,4	8,3	9,5	8,5	9,4	7,3	8,5	7,0	9,6	T	T
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	Đ	Đ	Đ	9,2	9,5	9,9	8,3	9,2	8,3	8,1	6,5	8,4	T	T
3	Huỳnh Nhất Di	Đ	Đ	Đ	7,3	8,2	8,1	8,6	9,0	7,4	8,6	6,4	8,1	K	T
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	Đ	Đ	Đ	8,7	9,4	9,3	8,4	9,2	8,9	8,6	7,8	8,7	T	T
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	Đ	Đ	Đ	8,1	9,0	8,1	8,6	9,2	8,2	9,2	8,0	8,9	T	T
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	Đ	Đ	Đ	8,3	9,3	9,3	8,9	9,3	9,7	9,3	8,7	8,7	T	T
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	Đ	Đ	Đ	9,2	9,8	9,6	9,5	9,2	8,9	9,3	8,0	9,1	T	T
8	Lê Hoàng Khánh	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	8,2	8,8	9,2	8,1	8,9	6,9	8,7	T	T
9	Nguyễn Quốc Khánh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,3	8,9	8,9	9,1	8,3	8,1	7,3	8,7	T	T
10	Tô Hoàng Phương Mai	Đ	Đ	Đ	7,9	8,5	8,5	8,4	9,4	6,8	8,9	7,4	8,3	T	T
11	Phạm Minh Mẫn	Đ	Đ	Đ	8,3	9,6	9,7	8,4	9,2	7,9	7,6	7,3	8,3	T	T
12	Phạm Thị Kim My	Đ	Đ	Đ	8,2	7,8	9,5	8,7	9,3	7,4	8,8	6,9	8,1	T	T
13	Lê Trọng Nam	Đ	Đ	Đ	9,3	8,8	9,0	8,3	9,4	7,4	8,1	6,1	9,0	K	T
14	Nguyễn Ngọc Ngân	Đ	Đ	Đ	8,9	9,7	9,4	8,7	9,4	8,9	8,5	9,3	8,9	T	T
15	Bùi Như Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,4	8,5	9,1	8,1	9,1	7,1	8,6	7,1	8,9	T	T
16	Phan Thành Nhân	Đ	Đ	Đ	8,4	8,1	8,6	8,6	8,8	7,6	8,4	6,7	8,0	T	T
17	Nguyễn Minh Nhật	Đ	Đ	Đ	8,0	8,9	9,0	8,6	9,3	6,7	7,7	6,1	8,3	K	T
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	Đ	Đ	Đ	8,8	8,6	8,5	8,0	9,4	8,7	7,5	8,9	8,4	T	T
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đ	Đ	Đ	9,5	9,6	9,7	9,1	9,1	8,3	8,6	8,2	9,0	T	T
20	Nguyễn Công Ninh	Đ	Đ	Đ	8,5	8,3	9,7	8,4	9,2	6,7	8,8	6,9	8,6	T	T
21	Bùi Ngọc Phát	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	8,7	8,5	9,3	7,2	8,6	8,1	8,3	T	T
22	Đỗ Thành Phong	Đ	Đ	Đ	7,1	8,2	8,4	8,6	8,6	7,6	8,0	7,0	7,6	K	K
23	Phạm Đăng Quan	Đ	Đ	Đ	7,7	8,2	7,9	8,7	9,1	7,5	8,6	7,4	7,7	K	T
24	Huỳnh Minh Quang	Đ	Đ	Đ	8,6	8,4	8,7	8,5	9,2	8,3	8,8	7,5	8,6	T	T
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,4	9,1	8,3	9,6	6,9	8,7	6,3	8,3	K	T
26	Nguyễn Cao Sơn	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	8,3	8,8	9,1	7,9	8,7	6,9	8,0	T	T
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	8,7	9,2	8,5	8,6	9,3	7,6	8,6	7,7	8,3	T	T
28	Trần Phúc Thiện	Đ	Đ	Đ	8,3	9,4	8,6	8,6	9,3	7,4	8,7	8,3	8,9	T	T
29	Tô Hưng Thịnh	Đ	Đ	Đ	6,2	6,6	7,2	8,8	9,2	6,6	8,3	4,9	8,3	Đ	K
30	Ngô Lê Anh Thư	Đ	Đ	Đ	8,5	8,9	8,6	8,6	9,1	8,6	8,3	8,5	8,6	T	T
31	Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ	Đ	8,5	8,4	7,9	8,8	9,2	8,1	8,6	7,8	8,1	T	T
32	Vô Thị Phụng Tiên	Đ	Đ	Đ	7,3	8,3	8,3	8,8	9,2	7,4	9,3	6,9	8,4	T	T
33	Bùi Đăng Hữu Tính	Đ	Đ	Đ	8,4	8,8	9,7	8,2	9,1	8,5	8,1	6,4	8,7	K	T
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	Đ	Đ	Đ	8,3	8,9	8,1	8,4	9,4	7,1	8,3	8,0	8,3	T	T
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	Đ	Đ	Đ	8,3	8,8	9,7	8,4	9,3	7,1	9,0	7,5	8,1	T	T
36	Cao Ngọc Bảo Trân	Đ	Đ	Đ	9,0	9,6	9,0	8,7	9,6	8,1	8,4	8,3	8,6	T	T
37	Trương Công Trứ	Đ	Đ	Đ	9,4	9,3	9,2	8,6	9,1	8,0	8,5	8,5	8,4	T	T
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Đ	Đ	Đ	7,9	7,5	8,7	8,7	9,5	7,8	8,3	7,3	8,4	K	T
39	Trịnh Dương Vũ	Đ	Đ	Đ	9,5	9,7	9,4	9,6	9,4	8,2	8,9	8,6	9,3	T	T
40	Cao Phương Vy	Đ	Đ	Đ	8,5	7,7	7,8	8,5	9,4	7,7	8,6	7,5	8,7	K	T
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	Đ	Đ	Đ	9,6	9,7	9,7	9,5	9,2	9,7	9,0	9,2	8,9	T	T
42	Nguyễn Trần Như Ý	Đ	Đ	Đ	8,0	8,4	9,6	8,6	9,2	8,1	8,8	7,6	9,6	T	T
43	Vô Thị Hải Yến	Đ	Đ	Đ	7,6	8,5	8,6	8,6	9,1	7,9	8,2	6,9	8,1	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trần Tấn Phương

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Ngô Thanh Gia Bảo	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Tổng số học sinh: 43
2	Lê Nguyễn Quốc Bảo	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
3	Huỳnh Nhất Di	T	K			3	Đủ ĐK thi TN THPT			
4	Đặng Thị Quỳnh Giao	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 43 trong đó 0 học sinh Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
5	Lê Đỗ Trọng Hiếu	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
6	Phạm Châu Mỹ Huyền	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
7	Huỳnh Thị Thiên Hương	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	- Không đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 0
8	Lê Hoàng Khánh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
9	Nguyễn Quốc Khánh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
10	Tô Hoàng Phương Mai	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
11	Phạm Minh Mẫn	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
12	Phạm Thị Kim My	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
13	Lê Trọng Nam	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			Trần Tấn Phương
14	Nguyễn Ngọc Ngân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
15	Bùi Như Ngọc	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
16	Phan Thành Nhân	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
17	Nguyễn Minh Nhật	T	K			1	Đủ ĐK thi TN THPT			
18	Nguyễn Trần Xuân Nhi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
20	Nguyễn Công Ninh	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
21	Bùi Ngọc Phát	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
22	Đỗ Thành Phong	K	K			15	Đủ ĐK thi TN THPT			
23	Phạm Đăng Quan	T	K			4	Đủ ĐK thi TN THPT			
24	Huỳnh Minh Quang	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
25	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
26	Nguyễn Cao Sơn	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
28	Trần Phúc Thiện	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
29	Tô Hưng Thịnh	K	K			5	Đủ ĐK thi TN THPT			
30	Ngô Lê Anh Thư	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
31	Nguyễn Anh Thư	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
32	Võ Thị Phụng Tiên	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
33	Bùi Đăng Hữu Tính	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
34	Lê Đặng Ngọc Trâm	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
36	Cao Ngọc Bảo Trân	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
37	Trương Công Trứ	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
38	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
39	Trịnh Dương Vũ	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
40	Cao Phương Vy	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
41	Nguyễn Ngọc Thuận Như Ý	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	
42	Nguyễn Trần Như Ý	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
43	Võ Thị Hải Yến	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều